

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình và lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao (Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao tại Tờ trình số 2980/TTr-SVHTT ngày 08 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 05 TTHC mới ban hành, 01 TTHC sửa đổi, bổ sung và 19 TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình và lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao (Cơ quan thực hiện: Sở Văn hóa và Thể thao, UBND cấp huyện, UBND cấp xã). *(Có danh mục kèm theo)*

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Văn hóa và Thể thao có trách nhiệm đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC của tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính liên quan.

2. Sở Văn hóa và Thể thao, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết các TTHC liên quan theo hướng dẫn tại Quyết định số 3657/QĐ/BVHTTDL ngày 29/11/2023 và Quyết định số 3698/QĐ-BVHTTDL ngày 01/12/2023 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>) theo quy định.

b) Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan trên phần mềm Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phổ biến và sao gửi Quyết định này đến Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn huyện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế TTHC có số thứ tự 45, khoản 1, Phần I của Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bãi bỏ TTHC có số thứ tự 56, 57, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67 tại điểm A9 mục A phần I của Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa và Thể thao tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bãi bỏ TTHC có số thứ tự 10, 11, 12, 13, 14, 15 tại điểm A3 mục A phần I ban hành kèm theo Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 07/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực văn hóa, thể thao thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn Phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Bình

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC GIA ĐÌNH VÀ LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (CƠ QUAN THỰC HIỆN: SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO, UBND CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ)
(Kèm theo Quyết định số 2940 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)**

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Gia đình

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Phí, lệ phí | Cách thức và địa điểm thực hiện | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC | Cơ quan thực hiện |
|---|--|---|--------------------|--|---|---|
| TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá và Thể thao; UBND cấp xã | | | | | | |
| 1 | Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (1.012080) | 10 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận nhận được hồ sơ hợp lệ | Chưa quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng chuyên môn về công tác gia đình của Sở Văn hóa và Thể thao. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao |
| 2 | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (1.012081) | 03 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận nhận được hồ sơ hợp lệ | Chưa quy định | <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) | <ul style="list-style-type: none"> - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết | <ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng chuyên môn về công tác gia đình của Sở Văn hóa và Thể thao. |

| | | | | | | |
|---|--|--|---------------|---|---|---|
| | | | | nhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) | một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao |
| 3 | Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình (1.012082) | 10 ngày làm việc kể từ khi cơ quan tiếp nhận nhận được hồ sơ hợp lệ | Chưa quy định | - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế (https://dichvucong.thuatienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. | - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng chuyên môn về công tác gia đình của Sở Văn hóa và Thể thao. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao |
| 4 | Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân (1.012084) | 12 giờ kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) nhận được đề nghị cấm tiếp xúc | Chưa quy định | - Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình đề nghị cấm tiếp xúc thông qua hình thức trực tiếp, qua đường bưu chính hoặc điện tử. - Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền gửi đơn đề nghị cấm tiếp xúc thông qua hình thức trực tiếp, bưu chính hoặc điện tử (qua cổng dịch vụ công quốc gia) tới Chủ tịch ủy ban nhân dân | - Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022; - Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban |

| | | | | | | |
|---|---|---|----------------------|---|--|--|
| | | | | <p>cấp xã nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình.</p> <p>- Trường hợp gửi điện tử, thành phần hồ sơ như gửi trực tiếp được chụp (từ bản gốc) hoặc bản định dạng PDF có ký số. Tên văn bản được đặt tương ứng với tên giấy tờ, tài liệu gửi kèm.</p> | | <p>nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã.</p> |
| 5 | <p>Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị (1.012085)</p> | <p>12 giờ kể từ khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) nhận được đơn đề nghị hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc</p> | <p>Chưa quy định</p> | <p>Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, người đại diện theo pháp luật của người bị bạo lực gia đình; cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền gửi đề nghị hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc tới Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã) thông qua hình thức trực tiếp, bưu chính hoặc điện tử (Công dịch vụ công Quốc gia).</p> | <p>- Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14/11/2022;</p> <p>- Nghị định số 76/2023/NĐ-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.</p> | <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã.</p> <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với địa phương không tổ chức chính quyền cấp xã.</p> |

2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Thời gian giải quyết | Phí, lệ phí | Cách thức và địa điểm thực hiện | Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC | Cơ quan thực hiện |
|--|--|--|--|---|---|---|
| TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá và Thể thao | | | | | | |
| 1 | Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu cấp tỉnh (2.001496) | <p>+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản thông báo cho Thương nhân đề nghị bổ sung hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có văn bản trả lời kết quả phê duyệt nội dung tác phẩm nhập</p> | <p>1. Đối với tác phẩm mỹ thuật</p> <p>+ Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 300.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 270.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với tác phẩm thứ 50 trở đi: 240.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định, tối đa không quá 15.000.000 đồng</p> <p>2. Đối với tác phẩm nhiếp ảnh:</p> <p>+ Đối với 10 tác phẩm đầu tiên: 100.000 đồng/ tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với tác phẩm thứ 11 tới tác phẩm số 49: 90.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định.</p> <p>+ Đối với tác phẩm thứ 50</p> | <p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</p> <p>- Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC Thừa Thiên Huế (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)</p> | <p>- Thông tư 28/2014/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> <p>- Thông tư 260/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.</p> <p>- Thông tư số 26/2018/TT-BVHTTDL ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</p> | <p>- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa và Thể thao.</p> <p>- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa và Thể thao.</p> |

| | | | | |
|--|---|---|--|---|
| | khâu. + Trường hợp không phê duyệt nội dung tác phẩm, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. | trở đi: 80.000 đồng/tác phẩm/lần thẩm định. | | - Thông tư số 13/2023/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. |
|--|---|---|--|---|

** Ghi chú: Nội dung chi tiết của các TTHC được ban hành kèm theo Quyết định số 3657/QĐ/BVHTTDL ngày 29/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Gia đình thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Quyết định số 3698/QĐ/BVHTTDL ngày 01/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch được công khai trên Cổng dịch vụ quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND tỉnh công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh (<https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).*

Sửa đổi, bổ sung quy định liên quan đến giấy tờ công dân tại một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành.

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

| TT | Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC) | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC | Cơ quan thực hiện |
|----------|---|--|------------------------|
| I | Lĩnh vực Mỹ thuật, Nhiếp ảnh và Triển lãm (01 TTHC) | | |
| 1. | Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ (1.004723) | Thông tư số 12/2023/TT- BVHTTDL ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành, liên tịch ban hành | Sở Văn hóa và Thể thao |

| II | Lĩnh vực Gia đình (18 TTHC) | | |
|-----------|---|---|------------------------|
| 2. | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (1.005441) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 3. | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (1.001420) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 4. | Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (1.001407) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 5. | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (2.001414) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 6. | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (1.000919) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 7. | Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh) (1.000817) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 8. | Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (1.000454) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 9. | Thủ tục cấp giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (1.000433) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |

| | | | |
|-----|--|---|------------------------|
| 10. | Thủ tục cấp thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (1.000379) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 11. | Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình (1.000104) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 12. | Thủ tục cấp thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình (2.000022) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 13. | Thủ tục cấp lại thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình (1.003310) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | Sở Văn hóa và Thể thao |
| 14. | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) (1.003243) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | UBND cấp huyện |
| 15. | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) (1.003226) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | UBND cấp huyện |
| 16. | Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) (1.003185) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | UBND cấp huyện |
| 17. | Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) (1.003140) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | UBND cấp huyện |
| 18. | Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) (1.003103) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | UBND cấp huyện |
| 19. | Thủ tục đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của UBND cấp huyện) (1.001874) | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2022. | UBND cấp huyện |